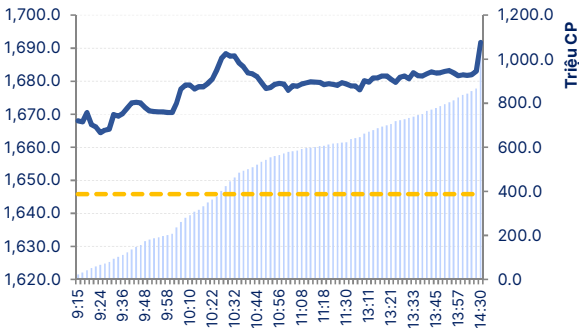


Phiên giao dịch ngày:

6/10/2025

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,695.50	274.69
% Thay đổi Index	↑ 3.02%	↑ 3.36%
KLGD (CP)	1,089,355,810	100,534,149
GTGD (tỷ đồng)	32,317.34	2,312.73
% Thay đổi GTGD	31.36%	8.50%

Diễn biến VN-INDEX



Top Giao dịch NĐTNN HOSE (Tỷ đồng)

MWG -311.21 tỷ	STB -212.83 tỷ	VHM -163.43 tỷ	CIH -106.19 ...
MBB -279.35 tỷ	VRE -196.42 tỷ	HPG 146.83 tỷ	SHB -96.38 tỷ
FPT -266.39 tỷ	HDB -165.81 tỷ	VIX 146.28 tỷ	VNM -66.77 tỷ
		TCB -128.88 tỷ	MSN -56.17 tỷ
			LPB

GT Bán: -4984.53

3126.51 : GT Mua

Biến động nhóm ngành



Phân Tích Kỹ Thuật VN-INDEX



DIỄN BIẾN CHIẾN LƯỢC THỊ TRƯỜNG

Sau tuần chịu áp lực điều chỉnh, với áp lực bán khá mạnh ở nhóm vốn hóa trung bình nhỏ. Thị trường, VNINDEX có diễn biến tích cực ngay từ đầu phiên hôm nay. VNINDEX tạo khoảng trống tăng giá đầu phiên lên 1.673 điểm với thanh khoản cải thiện tốt. Thị trường tiếp tục giao dịch tích cực trong phiên chiều với điểm nhấn nhóm cổ phiếu tài chính, trước kỳ vọng nâng hạng. Kết phiên VN-INDEX tăng mạnh 49,63 điểm (+3,02%) lên mức 1.695,50 điểm, vượt lên xu hướng tích lũy, hướng về đỉnh cũ quanh 1.710 điểm. VN30 tăng 59,46 điểm (+3,20%) lên mức 1.918,97 điểm, vượt lên vùng đỉnh 1.900 điểm đầu tháng 9/2025.

Độ rộng trên HOSE nghiêng về tích cực sau giai đoạn điều chỉnh; với 249 mã tăng giá, nổi bật ở các cổ phiếu chứng khoán, ngân hàng, phục hồi mạnh ở bất động sản, xây dựng, cảng biển, công nghệ...; 68 mã giảm giá và 43 mã giữ giá tham chiếu. Thanh khoản thị trường tăng, với khối lượng giao dịch trên HOSE tăng 23,5% so phiên trước, trong đó khối lượng giao dịch VN30 tăng 61,9%. Tăng khá đột biến ở nhóm chứng khoán với khối lượng giao dịch tăng gần 100% so với phiên trước và nhóm ngân hàng... Khối ngoại vẫn bán ròng -1.858 tỷ đồng trong phiên hôm nay trên HOSE. Tính từ giai đoạn năm 2020 đến nay, khối ngoại đã bán ròng 264,937 tỉ đồng, hơn 10 tỉ USD, tỉ lệ nắm giữ giảm mạnh còn 15,45%.

Trên thị trường phái sinh, kết phiên 411FA000 tăng mạnh 61,70 điểm (+3,32%) lên mức 1.918,6 điểm. Chênh lệch âm thu hẹp còn -0,37 điểm so với VN30. Các kỳ hạn xa hơn 411FB000, VN30F2512, 411G3000 chênh lệch âm mở rộng -1,97 điểm đến -32,971 điểm. Tổng khối lượng hợp đồng giao dịch tăng 14,74% so với phiên trước. Cho thấy các trader tăng các vị thế đầu cơ trong phiên, khá lạc quan về xu hướng của VN30 trong ngắn hạn, trước thời điểm có thông tin đánh giá nâng hạng. Xu hướng ngắn hạn của 411FA000 tích cực, vượt lên đỉnh cũ 1.898 điểm. Khối lượng mở OI hôm nay là 45.545, tăng mạnh các vị thế nắm giữ.

Xu hướng ngắn hạn của thị trường khá tích cực sau hơn 01 tháng tích lũy với "cú hích" đến từ GDP Quý III tăng trưởng ở mức cao và kỳ vọng nâng hạng thị trường. Thể hiện qua chỉ số VN30 đang vượt lên vùng giá đỉnh tháng 9/2025, qua đó sau khi rung lắc kiểm tra lại VN30 được kỳ vọng hướng đến vùng giá 1.970 điểm -2.000 điểm. Trong khi VNINDEX quay trở lại vùng giá 1.700 điểm-1.710 điểm tương ứng đỉnh giá đầu tháng 9/2025 và có kỳ vọng vượt lên.

Thị trường bắt đầu tuần giao dịch quan trọng khi chờ các thông tin về nâng hạng và cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô quý III. Trong đó Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2025 ước tính tăng 8,23%, GDP chín tháng năm 2025 ước tăng 7,85% so với cùng kỳ. Triển vọng lạc quan GDP năm 2025 có thể tăng trưởng 8% tương ứng GDP 2025 khoảng 500 tỉ USD. Vốn hóa toàn thị trường hiện tại khoảng 365 tỉ USD sẽ tương đương khoảng 73%/GDP 2025, khá hợp lý nếu xét triển vọng tăng trưởng năm 2026. Thị trường tăng điểm mạnh trong phiên hôm nay trước thông tin vĩ mô tích cực và kỳ vọng được nâng hạng. Đây là động lực tăng trưởng mới trong bối cảnh hiện nay, tập trung tích cực vào các cổ phiếu vốn hóa lớn khi VN30 đang vượt lên vùng giá cao nhất đầu tháng 9/2025

Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý. Mục tiêu đầu tư hướng tới các mã có nền tảng cơ bản tốt, đầu ngành trong các ngành chiến lược, tăng trưởng vượt trội của nền kinh tế.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trưởng Doanh thu	T.trưởng Lợi nhuận	
IJC	13.20	12.5-13.5	15.5-16	11	12.0	-52.0%	72.7%	Theo dõi giải ngân
BWE	48.85	48-49	54-55	47	14.0	28.2%	117.7%	Theo dõi giải ngân
NT2	23.45	21.5-22.5	26.5-27	21	14.0	-4.8%	167.0%	Theo dõi giải ngân
DBC	27.60	26-27	30-31	25	5.8	20.0%	248.6%	Theo dõi giải ngân
CTD	83.10	79-81	95-97	75	25.7	26.6%	184.5%	Theo dõi giải ngân
BMI	22.65	21.5-22.5	26.5-27.5	20	12.6	5.6%	14.9%	Theo dõi giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
23/04/2025	CLX	16.13	15.1	20-21	16.5	6.8%	Nắm giữ
22/8/2025	FRT	125.20	129.5	150-151	130	-3.3%	Nắm giữ
24/9/2025	HDB	31.50	28.9	33-34	29	9.0%	Nắm giữ
24/9/2025	PVD	21.40	22.1	26.5-27.5	21.5	-3.2%	Nắm giữ

TIN NỔI BẬT

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2025 ước tính tăng 8,23% so với cùng kỳ năm trước. GDP chín tháng năm 2025 ước tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) quý III/2025 ước tính tăng 8,23% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 14,38% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,74%, đóng góp 5,04% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 9,46%, đóng góp 46,41%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo là điểm sáng của nền kinh tế với tốc độ tăng 9,98%; khu vực dịch vụ tăng 8,56%, đóng góp 48,55%. Về sử dụng GDP quý III/2025, tiêu dùng cuối cùng tăng 7,79% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 59,76% vào tốc độ tăng chung của nền kinh tế; tích lũy tài sản tăng 8,97%, đóng góp 44,67%; xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 18,30%; nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ tăng 18,53%.

Mặt bằng lãi suất huy động và lãi suất cho vay ổn định, tỷ giá được điều hành chủ động, linh hoạt, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô

GDP chín tháng năm 2025 ước tăng 7,85% so với cùng kỳ năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng 9,44% của cùng kỳ năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 5,36% vào mức tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,69%, đóng góp 43,05%; khu vực dịch vụ tăng 8,49%, đóng góp 51,59%.
Tính đến thời điểm 25/9/2025, tổng phương tiện thanh toán tăng 10,61% so với cuối năm 2024 (cùng thời điểm năm trước tăng 4,55%); huy động vốn của các tổ chức tín dụng tăng 9,74% (cùng thời điểm năm trước tăng 4,17%); tăng trưởng tín dụng của nền kinh tế đạt 13,0% (cùng thời điểm năm trước tăng 8,09%).

Gánh nặng thuế quan bắt đầu 'ngấm' vào giá hàng hóa tiêu dùng tại Mỹ

Dư nợ tín dụng đạt hơn 17.4 triệu tỷ đồng, vốn tiếp tục chảy mạnh vào khu vực sản xuất. trong đó khoảng 78% nguồn vốn hướng vào sản xuất - kinh doanh. Cơ cấu tín dụng theo ngành kinh tế cơ bản duy trì ổn định. Trong đó, nông - lâm - thủy sản chiếm 6.23%, công nghiệp - xây dựng chiếm 23,97% và thương mại - dịch vụ chiếm 69,8%. Dù có biến động nhẹ so với cùng kỳ năm trước (6,84%, 25,65% và 67,51%) nhưng tổng thể vẫn đảm bảo xu hướng tích cực

Theo giới quan sát, tác động từ các chính sách thuế quan của Tổng thống Mỹ Donald Trump đang bắt đầu len lỏi vào giá cả các mặt hàng tiêu dùng tại nước này - từ lon súp đến phụ tùng ô tô - ngay cả khi lạm phát chung vẫn đang tăng ở mức vừa phải.

Dữ liệu chính thức và các tuyên bố từ doanh nghiệp cho thấy sau một thời gian bán hết hàng dự trữ, các công ty đang bắt đầu chuyển gánh nặng chi phí thuế quan sang vai người tiêu dùng. Số liệu từ Cục Thống kê Lao động Mỹ cho thấy trong sáu tháng tính đến tháng 8/2025, giá thiết bị âm thanh đã tăng 14%, váy áo tăng 8%, còn các loại dụng cụ, phần cứng tăng 5%. Đây là những mặt hàng chủ yếu được nhập khẩu.

Xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ chín tháng đầu năm tăng cao so với cùng kỳ năm trước, nhiều mặt hàng xuất khẩu chủ lực tăng khá

Quý III/2025, kim ngạch xuất khẩu đạt 128,57 tỷ USD, tăng 18,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 9,6% so với quý II/2025. Tính chung chín tháng năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 348,74 tỷ USD, tăng 16,0% so với cùng kỳ năm trước.

Quý III/2025, kim ngạch nhập khẩu đạt 119,66 tỷ USD, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước và tăng 6,3% so với quý II/2025. Tính chung chín tháng năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 331,92 tỷ USD, tăng 18,8% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung chín tháng năm 2025, cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 16,82 tỷ USD (cùng kỳ năm trước xuất siêu 21,15 tỷ USD).

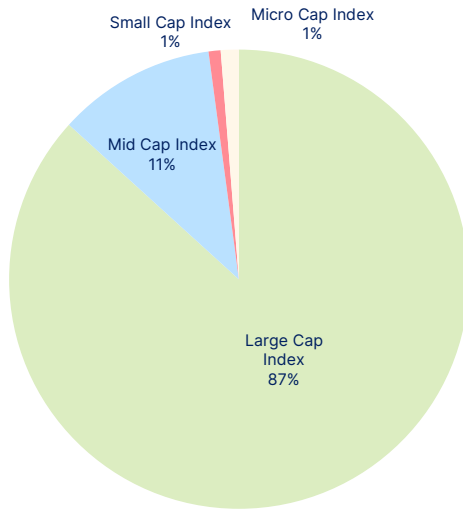
Bộ trưởng Bộ NN&MT: Dự kiến hoàn thành kết nối dữ liệu cho khoảng 50 triệu thửa đất trước ngày 15/12/2025

Tại Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương tháng 9/2025 sáng 05/10, ông Trần Đức Thắng, quyền Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường (NN&MT) đã báo cáo Chính phủ về chương trình xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia..

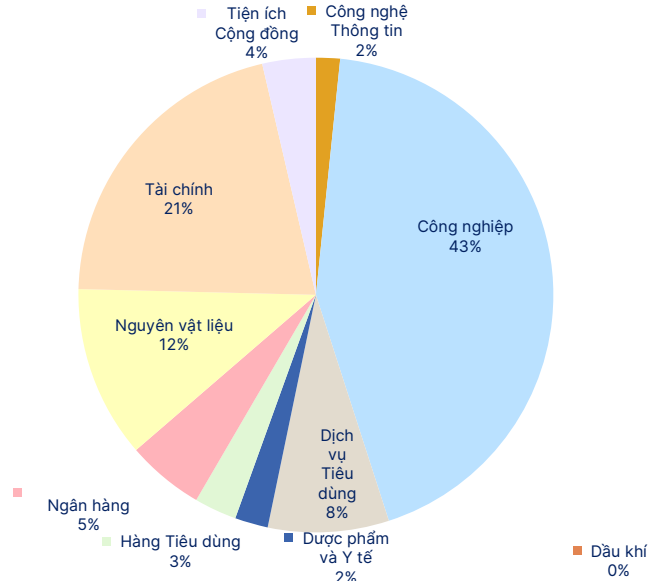
Cụ thể, hiện Bộ NN&MT, Bộ Công an cùng các địa phương đã triển khai công việc này hơn 1 tháng và tiến độ đang rất tốt. Dự kiến sẽ hoàn thành nhập liệu và kết nối dữ liệu cho khoảng 50 triệu thửa đất trước ngày 15/12/2025, phần còn lại sẽ cơ bản hoàn thành trong năm 2026.

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH HOSE

Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm ngành



Top vốn hóa

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	680,057	8.5%	3,487	50.6	4.3
VCB	515,545	17.2%	4,148	14.9	2.4
VHM	410,741	13.6%	6,985	14.3	1.8
BID	279,450	17.0%	3,683	10.8	1.7
CTG	272,796	19.8%	5,608	9.1	1.7

Top KLGD lớn nhất

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHB	116,151,944	18.4%	2,388	7.0	1.2
HPG	74,238,618	11.5%	1,750	15.8	1.7
SSI	53,831,976	11.3%	1,569	24.0	2.5
VIX	51,808,536	12.4%	1,385	25.6	3.1
VPB	48,606,833	11.7%	2,193	13.4	1.5

Top 5 cổ phiếu tăng giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
HDG	↑ 7.0%	2.6%	540	55.6	1.4
DIG	↑ 7.0%	1.7%	211	101.7	1.7
DTL	↑ 7.0%	-9.3%	(1,133)	-	1.1
VCI	↑ 7.0%	7.8%	1,366	30.4	2.4
DCL	↑ 7.0%	2.8%	577	48.5	1.3

Top 5 cổ phiếu giảm giá

Mã	+/- %	ROE	EPS	P/E	P/B
VMD	↓ -7.0%	5.8%	1,597	12.1	0.7
CCI	↓ -6.8%	15.9%	2,461	10.7	1.7
BCG	↓ -6.8%	0.7%	104	26.9	0.2
TCD	↓ -6.7%	1.9%	212	9.9	0.2
STG	↓ -6.3%	9.9%	2,452	15.5	1.5

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	5,099,413	11.5%	1,750	15.8	1.7
VIX	3,897,372	12.4%	1,385	25.6	3.1
ACB	1,760,425	20.2%	3,305	7.8	1.5
NVL	1,398,000	0.4%	85	177.8	0.6
PDR	1,107,700	1.5%	177	122.3	1.8

Top KLGD NĐT nước ngoài bán ròng

Mã	KL bán	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	(10,297,317)	20.5%	3,046	8.7	1.7
VRE	(5,630,223)	10.3%	1,937	16.9	1.7
SHB	(5,629,768)	18.4%	2,388	7.0	1.2
HDB	(5,354,748)	24.2%	4,094	7.4	1.6
CII	(4,136,017)	0.4%	79	310.6	1.4

Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Trưởng BP Chiến lược Thị trường

Phan Tấn Nhật

Nhat.pt@shs.com.vn

Vĩ Mô

Chuyên viên: Vũ Tuấn Duy

Duy.vt@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Trung Tâm Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội Số 41 Ngõ Quyền, Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao Ốc Sài Gòn Metropolitan Số 235 Đồng Khởi, P. Sài Gòn, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2 Số 03 Lê Đình Lý, Phường Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779